

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2021
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Giáo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Nhân
2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm M, thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

*** Bị đơn:** Chị Đặng Thị Minh T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị Đặng Thị Minh T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới vào tháng 2/1991, không có đăng ký kết hôn. Từ khi xác lập cuộc sống chung đến nay, cả hai vẫn chưa đăng ký kết hôn

Sau khi cưới, hai người sống tại thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Bình Định. Năm 1997 chị Đặng Thị Minh T đi mua bán, làm ăn thâm nợ. Từ đó giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, liên tục kinh cãi, xích mích với nhau không hàn gắn được. Năm 1998, chị Đặng Thị Minh T bỏ lại hai con cho anh nuôi và về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã M, thị

xã A sống đến nay. Từ năm 1998 đến nay, hai người không gặp gỡ, không liên lạc gì với nhau, mạnh ai nấy sống đến nay đã 22 năm, không còn tình cảm gì nên anh yêu cầu được ly hôn chị Đặng Thị Minh T.

Giữa anh và chị Đặng Thị Minh T có hai người con chung tên Nguyễn Công H, sinh ngày 10/10/1992; Nguyễn Trọng A, sinh ngày 02/02/1996, hiện hai con đã trưởng thành.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn chị Đặng Thị Minh T đã được Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Đặng Thị Minh T, hiện chị Đặng Thị Minh T có mặt tại địa phương nhưng cố tình không hợp tác, không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

* Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên

Tòa:

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Đặng Thị Minh T; bị đơn Đặng Thị Minh T đang cư trú tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Đặng Thị Minh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập hợp lệ nhưng chị Đặng Thị Minh T đã không hợp tác, không đến Tòa án để cung cấp lời khai. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa cũng đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt theo đúng thủ tục tố tụng dân sự nhưng chị Đặng Thị Minh T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đặng Thị Minh T.

[3] Anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị Minh T tự nguyện tổ chức lễ cưới, chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1991, đến năm 1998 do mâu thuẫn nên chia tay. Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân xã V (nơi anh Nguyễn Văn P và chị Đặng

Thị Minh T cư trú) xác định: Từ năm 1991 đến nay, anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị Minh T không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003 ;... Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;*”. Mặc dù anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị Minh T có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng việc đăng ký kết hôn mà pháp luật quy định đã không được anh chị tuân thủ. Trong quá trình sống chung lại phát sinh mâu thuẫn, đã không còn sống chung hơn 20 năm. Anh Nguyễn Văn P đã chung sống và có con với người khác. Chị Đặng Thị Minh T cũng đã có một người con riêng. Việc anh Nguyễn Văn P có yêu cầu ly hôn là hoàn toàn phù hợp với thực tế mâu thuẫn đã phát sinh. Theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị Minh T.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị Minh T có hai người con chung tên Nguyễn Công H, sinh ngày 10/10/1992; Nguyễn Trọng A, sinh ngày 02/02/1996, hiện hai con đã trưởng thành.

[5] **Về tài sản chung:** Các đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị Minh T.

2/ *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị Minh T có hai người con chung tên Nguyễn Công H, sinh ngày 10/10/1992; Nguyễn Trọng A, sinh ngày 02/02/1996, hiện hai con đã trưởng thành.

3/ *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4/ *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001479 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ *Quyền kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đặng Thị Minh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Công Giáo